

Phụ lục 10: Danh mục mã phác đồ điều trị HIV/AIDS

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm của Bộ Y tế)

STT	Tên phác đồ	Số lượng sử dụng trong ngày (liều trung bình/ngày)	Mã phác đồ	Ghi chú
I. Phác đồ điều trị cho người lớn				
1	(TDF/3TC/DTG 300/300/50)	01	NL.01	
2	(TDF/3TC/EFV 300/300/400)	01	NL.02	
3	(TDF/3TC/EFV 300/300/600)	01	NL.03	
4	(ZDV/3TC 300/150)(EFV 600)	02;01	NL.04	
5	(ZDV/3TC 300/150)(EFV 200)	02;01	NL.05	
6	(ZDV/3TC/NVP 300/150/200)	02	NL.06	
7	(ABC 300)(3TC 150)(DTG 50)	02;02;01	NL.07	
8	(TDF 300)(3TC 150)(RAL 400)	01;02;02	NL.08	
9	(TDF/FTC 300/200)(RAL 400)	01;02	NL.09	
10	(TAF 25)(3TC 150)(DTG 50)	01;02;01	NL.10	
11	(TDF/FTC 300/200)(EFV 600)	01;01	NL.11	
12	(ZDV/3TC 300/150)(LPV/r 100/25)	02;08	NL.12	
13	(ZDV/3TC 300/150)(LPV/r 200/50)	02;04	NL.13	
14	(ZDV/3TC 300/150)(DTG 50)	02;01	NL.14	
15	(ZDV/3TC 300/150)(ATV 300)(RTV 100)	02;01;01	NL.15	
16	(ZDV/3TC 300/150)(DRV 600)(RTV 100)	02;02;02	NL.16	
17	(TDF/FTC 300/200)(DTG 50)	01;01	NL.17	
18	(TDF/FTC 300/200)(ATV 300)(RTV 100)	01;01;01	NL.18	
19	(TDF/FTC 300/200)(DRV 600)(RTV 100)	01;02;02	NL.19	
20	(TDF 300)(3TC 150)(ATV 300)(RTV 100)	01;02;01;01	NL.20	
21	(TDF 300)(3TC 150)(DRV 600)(RTV 100)	01;02;02;02	NL.21	
22	(TDF 300)(3TC 150)(LPV/r 100/25)	01;02;08	NL.22	
23	(TDF 300)(3TC 150)(LPV/r 200/50)	01;02;04	NL.23	
24	(TDF 300)(3TC 150)(LPV/r 80/20mg/ml)	01;02;05	NL.24	
25	(TDF/FTC 300/200)(LPV/r 100/25)	01;08	NL.25	
26	(TDF/FTC 300/200)(LPV/r 200/50)	01;04	NL.26	
27	(TDF/FTC 300/200)(LPV/r 80/20mg/ml)	01;05	NL.27	
28	(ABC 300)(ZDV/3TC 300/150)	02;02	NL.28	
29	(ABC 300)(ZDV/3TC 60/30)	02;10	NL.29	
II. Phác đồ điều trị cho trẻ em				
30	(ABC/3TC 60/30)(DTG 10)		TE.01	Bổ sung thêm

31	(ABC/3TC 120/60)(DTG 10)		TE.02	Bổ sung thêm
32	(ABC/3TC 60/30)(DTG 50)		TE.03	
33	(ABC/3TC 60/30)(LPV/r 100/25)		TE.04	
34	(ABC/3TC 60/30)(LPV/r 200/50)		TE.05	
35	(ABC/3TC 60/30)(LPV/r 80/20mg/ml)		TE.06	
36	(ZDV/3TC/NVP 60/30/50)		TE.07	
37	(ABC/3TC 60/30)(EFV 200)		TE.08	
38	(ABC/3TC 60/30)(EFV 200)(EFV 50)		TE.09	
39	(ABC/3TC 60/30)(EFV 50)		TE.10	
40	(ZDV/3TC 60/30)(EFV 200)		TE.11	
41	(ZDV/3TC 60/30)(EFV 200)(EFV 50)		TE.12	
42	(ZDV/3TC 60/30)(EFV 50)		TE.13	
43	(ZDV/3TC 60/30)(RAL 25)		TE.14	
44	(ZDV/3TC 60/30)(RAL 100)		TE.15	
45	(ZDV/3TC 60/30)(LPV/r 100/25)		TE.16	
46	(ZDV/3TC 60/30)(LPV/r 80/20mg/ml)		TE.17	
47	(ZDV/3TC 60/30)(DTG 50)		TE.18	
48	(ABC/3TC 60/30)(RAL 25)		TE.19	
49	(ABC/3TC 60/30)(RAL 100)		TE.20	
III. Các phác đồ khác				
50	Khác (cụ thể theo thuốc và hàm lượng hoặc khi có thuốc mới)		KHAC	Chỉnh sửa

Ghi chú: Nguyên tắc mã hóa phác đồ điều trị

- Mã phác đồ điều trị là chuỗi ký tự bao gồm tên viết tắt của hoạt chất cùng hàm lượng của thuốc cấu tạo nên phác đồ, dấu ký hiệu phân biệt giữa thuốc đơn lẻ và thuốc kết hợp nhiều loại thuốc trong phác đồ. Tên viết tắt của hoạt chất thực hiện theo quy định tại Quyết định 5456/QĐ-BYT.

- Sử dụng dấu cách tên viết tắt của hoạt chất và hàm lượng để mã hóa thuốc trong phác đồ. Đối với thuốc dạng si rô thì ghi hàm lượng trên 01 đơn vị thể tích.

VD: thuốc chứa hoạt chất Lamivudine 300 mg viết là “(3TC 300)”. Si rô chứa hoạt chất Nevirapine 10 mg/ml viết là (NVP 10mg/ml).

- Thứ tự sắp xếp các thuốc trong phác đồ: tên viết tắt của hoạt chất sắp xếp theo trật tự “nhóm NRTIs + nhóm NNRTIs/nhóm INSTIs + nhóm PIs”. Trường hợp phác đồ có hai hoạt chất thuộc cùng một nhóm thì sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái La tinh. Trường hợp chữ viết tắt của một hoạt chất bắt đầu bằng số thì hoạt chất có viết tắt bắt đầu bằng chữ sẽ đứng trước hoạt chất có viết tắt bắt đầu bằng số.

Ví dụ phác đồ có kết hợp của 2 thuốc chứa hoạt chất Tenofovir (viết tắt là TDF) và hoạt chất chứa lamivudine (viết tắt là 3TC). Cả 2 hoạt chất này đều cùng nhóm NRTI. Trật tự khi mã hóa phác đồ là TDF/3TC.

- Sử dụng dấu / giữa các hoạt chất và hàm lượng đối với thuốc có nhiều thành phần hoặc thuốc kết hợp nhiều hoạt chất của phác đồ với trật tự viết tắt hoạt chất 1/viết tắt hoạt chất 2/viết tắt hoạt chất 3/ ... _ hàm lượng hoạt chất 1/hàm lượng hoạt chất 2/hàm lượng hoạt chất 3/...

Ví dụ phác đồ TLD là phác đồ kết hợp giữa 03 hoạt chất với các hàm lượng khác nhau gồm: Tenofovir disoproxil fumarate 300mg, Lamivudine 300 mg, Dolutegravir 50mg. Khi có thuốc kết hợp đủ 3 hoạt chất trên trong cùng viên thuốc thì mã phác đồ như sau: TDF/3TC/DTG 300/300/50.

- Sử dụng dấu () để phân biệt giữa các viên thuốc khác nhau trong cùng một phác đồ.

VD: phác đồ Zidovudine 300 mg kết hợp với Lamivudine 150 mg và Efavirenz 600 mg. Phác đồ này được cấu tạo bởi 2 viên thuốc. Một viên kết hợp giữa thuốc Zidovudine 300 mg kết hợp với Lamivudine 150 mg và một viên Efavirenz 600 mg.

Phác đồ này được mã hóa như sau: (ZDV/3TC 300/150)(EFV 600).